

KĨ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Vân Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
Email: nguyenvananh@hcmussh.edu.vn

Article history

Received: 22/9/2021

Accepted: 18/10/2021

Published: 20/11/2021

Keywords

International integration, soft skills, graduate students, meet the requirements, employers

ABSTRACT

The ability to find a suitable job and to have a successful career is not only by someone's expertness or their working skills. As a result, newly-graduated students cannot find a job and have promotion if they do not have soft skills. The article presents the overview of soft skills and the effect of their requirements to newly-graduated students in the period of international integration. Secondly, the article discusses the students' awareness in terms of developing soft skills and its usages in the eyes of the recruiters. Finally, the article gives some suggestions to enhance their soft skills and meet the needs of using those skills in the period of international integration for students in University of Social Sciences and Humanities - Vietnam National University Ho Chi Minh City in specific and other students in general.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, vai trò của kĩ năng mềm (KNM) ngày càng được đề cập về sức ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của mỗi cá nhân. Để đáp ứng được các yêu cầu mới về công việc của nhà tuyển dụng (NTD), sinh viên (SV) tốt nghiệp ngoài giới chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp thành thạo, cần được trang bị những KNM cần thiết để giúp họ sử dụng tốt các kiến thức, kĩ năng chuyên môn đã được đào tạo và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc, đối mặt với mọi sự thay đổi của thị trường lao động.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh có lịch sử phát triển lâu đời và là một trong những trường đi đầu về đào tạo khối ngành Khoa học xã hội, nhân văn với định hướng nghiên cứu. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường luôn đặt mục tiêu chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Việc đảm bảo chuẩn về kĩ năng, nhất là KNM cho SV là một trong những mục tiêu được nhà trường quan tâm thực hiện (Kế hoạch chiến lược Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030).

Nhận thức được ý nghĩa thực tiễn của việc nâng cao KNM cho SV và để giúp SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về KNM ngày càng cao của NTD, bài báo đánh giá thực trạng nhận thức của SV tốt nghiệp về KNM và mức độ đáp ứng KNM của SV tốt nghiệp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh so với yêu cầu của NTD trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay; từ đó, đề xuất các biện pháp nhằm giúp SV Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh nói riêng và SV nói chung nâng cao KNM, đáp ứng được các yêu cầu của NTD về KNM trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái lược về kĩ năng mềm

2.1.1. Khái niệm "kĩ năng mềm"

Theo tác giả Forland và Jeremy (2006), KNM là những kĩ năng liên quan đến việc con người dùng để tương tác với người khác/nhóm/tập thể/tổ chức/cộng đồng. Sự tương tác này được thể hiện qua việc con người sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả giữa người với người. Những kĩ năng thuộc về trí tuệ cảm xúc, ảnh hưởng đến việc xác lập mối quan hệ giữa người với người sẽ là KNM (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Đinh Thị Kim Thoa, 2010).

Dựa vào các khái niệm về KNM đã được công bố trước đó và từ thực tế quan sát, khái niệm "KNM" có thể hiểu như sau: KNM là những kĩ năng thuộc về tính cách của con người, không phải là yếu tố bẩm sinh. KNM không cố định, được hình thành và phát triển bằng sự trải nghiệm của mỗi người. KNM giúp con người tương tác với mọi người xung quanh, hỗ trợ cho kiến thức và kĩ năng chuyên môn.

Căn cứ vào các khái niệm về KNM và xét tính chất đặc trưng của SV tốt nghiệp - những người đã hoàn thành chương trình đào tạo ở trường đại học và bắt đầu tham gia vào thị trường lao động - chúng ta có thể hiểu KNM của SV tốt nghiệp trường đại học là những kỹ năng giúp SV tương tác với người khác, tăng cường mối quan hệ và áp dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình tìm việc, làm việc một cách thuận lợi, nhanh chóng.

2.1.2. Vai trò của kỹ năng mềm

KNM ngày càng được các nhà nghiên cứu chứng minh về sức ảnh hưởng lớn của nó đến sự thành công trong sự nghiệp và cuộc sống của mỗi người. Theo kết quả nghiên cứu của Klaus (2010), KNM chiếm 70-85% thành công của một cá nhân, trong khi kỹ năng cứng và kiến thức, kỹ thuật chỉ đóng góp 15-30%. Vai trò của KNM được đánh giá rất cao, bởi KNM sẽ giúp các cá nhân mở rộng các mối quan hệ giữa người với người và hỗ trợ, phát huy kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, từ đó góp phần tăng năng suất lao động, tạo ra hiệu quả cao trong công việc (Phạm Thị Hồng Hoa, 2014). Thực tế cho thấy, có nhiều người rất giỏi chuyên môn nhưng họ lại chưa thành công hoặc thậm chí thất bại trong công việc và cuộc sống vì họ thiếu hoặc chưa quan tâm đến các KNM. Đặc biệt, bối cảnh hội nhập quốc tế đã tác động đến môi trường làm việc với tính cạnh tranh cao, SV tốt nghiệp ra trường với tấm bằng khá, giỏi không hề ít, để có thể vượt qua những người khác trở thành một ứng viên sáng giá thì SV tốt nghiệp cần phải trang bị thêm KNM. Đối với SV tốt nghiệp, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ hoạt động ở các lĩnh vực liên quan đến văn hóa, xã hội, giáo dục, nghiên cứu về con người, NTD sẽ có những yêu cầu trong việc trang bị những KNM liên quan đến sự tương tác với người khác như: giao tiếp, kỹ năng khai thác và xử lý thông tin,... Nếu được trang bị tốt về KNM sẽ giúp SV tốt nghiệp tăng khả năng tìm kiếm việc làm, dễ dàng thích nghi trước các sự thay đổi, có thể chuyển đổi ngành/ngành mở rộng cơ hội việc làm,... Như vậy, KNM là hành trang không thể thiếu của SV và SV tốt nghiệp.

2.1.3. Kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp trường đại học

Một số kết quả nghiên cứu về những KNM cần thiết (Thủ tướng Chính phủ, 2016; Marcel, 2012; Bronson, 2007) cho thấy những KNM được đa số các quốc gia đánh giá là cần thiết cho SV tốt nghiệp sau khi ra trường và làm việc ở thế kỷ XXI là: Kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng học và tự học; kỹ năng tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng khoa học, công nghệ. Căn cứ vào kết quả của các công trình nghiên cứu và tình hình thực tế hiện nay, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm kỹ năng thích ứng vào danh sách những KNM cần thiết của SV tốt nghiệp. Bởi, khi tốt nghiệp ra trường, SV sẽ tham gia vào một thị trường lao động đa dạng với sự chuyên hóa không ngừng, nếu SV tốt nghiệp có khả năng thích ứng tốt mới có thể tham gia và làm được việc trong môi trường đó.

2.1.4. Nhà tuyển dụng và vai trò của nhà tuyển dụng trong việc đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên

Bắt từ cơ sở giáo dục đại học nào cũng quan tâm đến NTD, các trường thường xuyên khảo sát ý kiến của NTD, mời NTD về trao đổi, chia sẻ thông tin với nhà trường. Lí do: đặc trưng sản phẩm của giáo dục đào tạo là để phục vụ cho xã hội. Các trường đại học muốn đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội thì cần phải lắng nghe ý kiến của xã hội, mà đại diện ở đây chính là ý kiến của NTD. Hoạt động khảo sát ý kiến NTD cũng trở thành một quy định bắt buộc của Bộ GD-ĐT mà các cơ sở giáo dục đại học cần phải thực hiện.

Sau khi tìm hiểu về NTD, chúng tôi nhận thấy, NTD đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, phát triển chương trình và hoạt động đào tạo. NTD thể hiện vai trò của mình thông qua các hoạt động: cung cấp thông tin về yêu cầu tuyển dụng; phản hồi về chất lượng SV tốt nghiệp; cung cấp các nghiệp vụ chuyên môn; hỗ trợ đào tạo trong quá trình thực tập, thực tế; đóng góp ý kiến chuẩn đầu ra,... NTD có sự ảnh hưởng mạnh đến việc thay đổi chương trình và hoạt động đào tạo về mặt cấu trúc và nội dung. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến phản hồi của NTD còn là một trong những kênh thông tin đáng tin cậy giúp Nhà trường, Khoa/bộ môn có thêm cơ sở để đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp, từ đó Nhà trường, Khoa/bộ môn có những điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của NTD.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh định kì 2 năm/lần khảo sát NTD. Nội dung khảo sát tập trung vào các thông tin sau: thông tin về NTD và SV tốt nghiệp đang làm việc; yêu cầu của NTD và mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất); hoạt động đào tạo của NTD dành cho SV tốt nghiệp. Từ kết quả khảo sát thu được, các khoa/bộ môn tiến hành họp và sử dụng kết quả khảo sát NTD để cải tiến chương trình đào tạo.

2.1.5. Hội nhập quốc tế và những tác động của hội nhập quốc tế đến yêu cầu của nhà tuyển dụng về kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp

Có rất nhiều khái niệm về hội nhập quốc tế hiện được đưa ra, song tựu chung lại chúng ta có thể hiểu hội nhập quốc tế hiện là quá trình các nước tăng cường gắn kết với các nước khác, tham gia vào các tổ chức chung dựa trên sự chia sẻ về mục tiêu, giá trị, lợi ích, nguồn lực, quyền lực và tuân thủ các luật lệ chung trong khuôn khổ các định

chế hoặc tổ chức quốc tế. Nói cách khác, hội nhập quốc tế hiện là quá trình các quốc gia thực hiện mô hình “mở”, tự nguyện tham gia vào các định chế quốc tế chung nhằm thực hiện các hoạt động đối ngoại (Phạm Tùng Lâm, 2014).

Theo các nhà nghiên cứu, hội nhập quốc tế hiện là một xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người, gắn liền với sự tiến bộ của loài người về tri thức, khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Các thành tựu đó đã dẫn đến các đặc trưng của bối cảnh hội nhập như: giá trị của tài sản trí tuệ (chất xám) được đề cao hơn so với các giá trị vật chất, hình thành các trung tâm kinh tế và khoa học là trọng tâm trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện; cùng với đó là sự phân hóa giàu nghèo mạnh mẽ do sự thay đổi nhanh trong lao động xã hội. Ảnh hưởng từ bối cảnh hội nhập quốc tế hiện đã tác động đến thị trường lao động ngày càng đặt ra yêu cầu cao hơn về chất lượng của nguồn lao động. Cùng với đó trong lĩnh vực giáo dục, Bộ GD-ĐT đã ban hành khung trình độ quốc gia, quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm để các cơ sở giáo dục làm căn cứ điều chỉnh, phát triển, tổ chức chương trình và hoạt động đào tạo (Thủ tướng Chính phủ, 2016).

Xu hướng phát triển của thế giới nói chung và ở trong nước nói riêng đã tác động đến sự thay đổi về yêu cầu của thị trường lao động đối với nguồn nhân lực. NTD chú trọng tuyển chọn những ứng viên có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc, trong đó yêu cầu về KNM ngày càng được đề cao.

2.2. Thực trạng nhận thức và mức độ đáp ứng kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh so với yêu cầu của nhà tuyển dụng

2.2.1. Mục đích khảo sát

Tìm hiểu thực trạng nhận thức của SV tốt nghiệp về KNM và mức độ đáp ứng KNM của SV tốt nghiệp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh so với yêu cầu của NTD, làm cơ sở cho đề xuất các biện pháp nhằm góp phần giúp SV tốt nghiệp trong và ngoài Nhà trường nâng cao được KNM, đáp ứng yêu cầu của NTD.

2.2.2. Phương pháp khảo sát

Khảo sát thực hiện bằng các phương pháp: tổng hợp tài liệu; phương pháp xử lý dữ liệu; nghiên cứu số liệu, báo cáo có liên quan đến khảo sát SV tốt nghiệp và NTD tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp và khảo sát NTD tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Cỡ mẫu nghiên cứu được Nhà trường quy định khi triển khai khảo sát như sau: khảo sát 100% SV tốt nghiệp, khảo sát 20% NTD (NTD/SV tốt nghiệp). Kết quả mẫu nghiên cứu qua các năm như sau: Số lượng mẫu SV tốt nghiệp (năm 2015: 841 SV tốt nghiệp; năm 2016: 937 SV tốt nghiệp; năm 2017: 838 SV tốt nghiệp; năm 2018: 1168 SV tốt nghiệp; năm 2019: 1750 SV tốt nghiệp; năm 2020: 2138 SV tốt nghiệp); Số lượng mẫu NTD (năm 2015: 228 NTD; năm 2017: 197 NTD; năm 2019: 296 NTD; năm 2021: 450 NTD).

2.2.3. Kết quả khảo sát

SV tốt nghiệp đã và sẽ gia nhập vào thị trường lao động, do đó việc tìm hiểu về nhận thức của SV tốt nghiệp đối với những vấn đề liên quan đến ngành nghề SV tốt nghiệp sẽ và đang đảm nhận cũng là vấn đề mà Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh quan tâm. Định kỳ hằng năm, Nhà trường khảo sát ý kiến của SV tốt nghiệp đối với các nội dung: (1) Tình hình việc làm của SV; (2) Những đánh giá, góp ý, đề xuất cho chương trình đào tạo và các đơn vị trong Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy, SV tốt nghiệp các khóa đều đánh giá rất cao vai trò của KNM (dao động từ 66,2% đến 75,3% trong 6 năm, từ 2015-2020), KNM luôn được SV tốt nghiệp xếp hạng đầu trong việc giúp họ có cơ hội tìm được việc làm và tự tạo việc làm. Kết quả phân hồi cụ thể được trình bày ở bảng 2:

Bảng 2. SV tốt nghiệp phản hồi về yếu tố giúp họ được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm

STT	Yếu tố giúp SV tốt nghiệp được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Kiến thức chuyên môn	55,1	52,7	48,2	46,6	47,2	51,5
2	Kỹ năng chuyên môn	63,6	60,8	56,3	56,6	59,8	60,1
3	Khả năng ngoại ngữ	69,7	68,6	67,1	66,2	67,5	69,5
4	Khả năng tin học	58,9	55,1	54,4	58,5	57,5	61,2
5	Kinh nghiệm làm việc	54,4	54,4	54,7	52,5	52,4	52
6	Mối quan hệ xã hội	52,5	48,2	46,1	43,7	43,7	42,8
7	Ngoại hình	37,7	35,5	33,1	34,2	36,1	35,8
8	KNM	75,3	66,2	74,5	68,7	66,5	68,8

(Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021)

Kết quả bảng 2 cho thấy, trong 8 yếu tố được đưa ra, KNM và khả năng ngoại ngữ là 2 yếu tố được SV tốt nghiệp đánh giá cao nhất về sự ảnh hưởng đến việc được tuyển dụng hoặc tự tạo việc làm. Bên cạnh kết quả khảo sát trên, thông qua ý kiến phản hồi ở các câu hỏi mở đa số SV tốt nghiệp đề nghị Nhà trường cần đào tạo cho SV các KNM như: kỹ năng giao tiếp; ứng xử; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng quan sát; kỹ năng đàm phán thương lượng; kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng xử lý tình huống; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phỏng vấn và kỹ năng tư duy phản biện. Thông qua kết quả khảo sát SV tốt nghiệp hàng năm, chúng tôi nhận thấy SV tốt nghiệp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đã có nhận thức tốt về tầm quan trọng của KNM và có nhu cầu cần được Nhà trường hỗ trợ mở các lớp đào tạo về KNM.

Giữa nhận thức và mức độ đáp ứng về KNM của SV tốt nghiệp so với yêu cầu về KNM của NTD có đồng nhất với nhau hay không? Đây là vấn đề chính mà chúng tôi quan tâm trong nghiên cứu này. Tác giả thống kê dữ liệu về yêu cầu KNM của NTD đối với SV tốt nghiệp và mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp trong 4 năm (năm 2015, 2017, 2019, 2021) nhằm so sánh giữa mức độ yêu cầu và mức độ đáp ứng có sự thay đổi hay tương đồng như thế nào qua các năm. Kết quả khảo sát được thống kê ở bảng 3:

Bảng 3. Yêu cầu của NTD về KNM và mức độ đáp ứng yêu cầu của SV tốt nghiệp

Phản hồi về KNM của SV tốt nghiệp	2021	2019	2017	2015
1. Kỹ năng lập kế hoạch				
Yêu cầu của NTD	75%	78,3%	88,2%	80%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	74,8%	67,3%	66%	64,1%
2. Kỹ năng giải quyết vấn đề				
Yêu cầu của NTD	82,3%	84,5%	88,9%	86,2%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	76,4%	67,5%	67,6%	66,8%
3. Kỹ năng làm việc độc lập				
Yêu cầu của NTD	79,7%	83,7%	87,3	88,3%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	82,0%	75,9%	75,3%	76,4%
4. Kỹ năng làm việc nhóm				
Yêu cầu của NTD	81,9%	88,8%	92,4%	85,7%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	82,0%	80,6%	78,2%	79%
5. Kỹ năng giao tiếp				
Yêu cầu của NTD	87,9%	88,5%	91,6%	88,3%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	79,6%	76,2%	74,4%	76,7%
6. Kỹ năng trình bày				
Yêu cầu của NTD	81,0%	80%	87,5%	83,1%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	76,4%	70,8%	71,4%	72,2%
7. Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin				
Yêu cầu của NTD	80,8%	81,7%	81,9%	84,5%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	76,6%	70,3%	69,4%	71,2%
8. Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu				
Yêu cầu của NTD	75,9%	79,7%	81,2%	78,5%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	73,9%	72,1%	72,2%	69,4%
9. Kỹ năng tư duy (logic, sáng tạo,...)				
Yêu cầu của NTD	77,4%	75,9%	88,2%	83%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	74,0%	70,3%	65,2%	64,2%
10. Kỹ năng thích nghi nhanh với công việc				
Yêu cầu của NTD	81,5%	81,4%	91,6%	87,6%
Mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp	81,6%	81%	83,4%	84,3%

(Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021)

Bảng 3 cho thấy, NTD đặt ra yêu cầu cao về KNM đối với SV tốt nghiệp (dao động từ 75-92,4%), nhưng SV tốt nghiệp đáp ứng thấp hơn so với yêu cầu của NTD về KNM (dao động ở mức 64,1-88,9%), 3,5-10,9% là khoảng cách chênh lệch giữa mức độ đáp ứng về KNM của SV tốt nghiệp trong thực tế so với yêu cầu của NTD - dù đây là các ứng viên đã qua quá trình tuyển dụng chọn lọc. Ở thời điểm khảo sát SV tốt nghiệp đã trải qua thời gian làm việc hơn một năm tại cơ quan, lúc này SV tốt nghiệp đã có thể thích nghi với môi trường làm việc, nhưng NTD vẫn chưa

đánh giá cao mức độ đáp ứng KNM của SV tốt nghiệp. Vậy, đối với nhóm các ứng viên không được NTD chọn thì như thế nào?

Bảng số liệu cũng cho thấy, NTD có yêu cầu giống nhau về KNM ở cả 4 năm khi Nhà trường thực hiện khảo sát. Cụ thể, tổng KNM được NTD yêu cầu cao và ổn định trong 4 năm qua là: *kỹ năng giao tiếp* (2021-87,9%; 2019-88,5%; 2017-91,6%; 2015-88,3%), *kỹ năng giải quyết vấn đề* (2021-2,3%; 2019-84,5%; 2017-88,9%; 2015-86,2%), *kỹ năng làm việc nhóm* (2019-88,8%; 2017-92,4%, 2015-85,7%) và *kỹ năng thích nghi nhanh với công việc* (2017-91,6%; 2015-87,6%). Những KNM được NTD kì vọng, đặt ra yêu cầu cao trong nghiên cứu này trùng khớp với những KNM được các quốc gia dự báo mà chúng tôi đã đề cập, thống kê ở mục 2.2.3. NTD đặt ra các yêu cầu như vậy, nhưng sau khi tuyển dụng SV tốt nghiệp vào cơ quan/tổ chức làm từ 6 tháng trở lên, NTD nhận thấy tổng KNM mà SV tốt nghiệp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đáp ứng tốt là: *Kỹ năng làm việc độc lập* (2021-82%; 2019-75,9%; 2017-75,3%; 2015-76,4%), *kỹ năng làm việc nhóm* (2021-82%; 2019-80,6%; 2017-78,2%; 2015-79%) và *kỹ năng thích nghi nhanh với công việc* (2021-81,6%; 2019-81%; 2017 - 83.4%, 2015 - 84.3%). Như vậy, giữa yêu cầu của NTD với mức độ đáp ứng về KNM của SV tốt nghiệp là chưa có sự trùng khớp, thống nhất với nhau. Những KNM về: tư duy (logic, sáng, tạo,...), giải quyết vấn đề, lập kế hoạch, kỹ năng khai thác và xử lí thông tin được NTD yêu cầu cao nhưng mức độ đáp ứng yêu cầu của SV tốt nghiệp lại thấp hơn.

Qua 2 bảng số liệu được trình bày ở trên, chúng ta có thể thấy cả SV tốt nghiệp và NTD đều đánh giá rất cao tầm quan trọng của KNM. Thông qua dữ liệu trên chúng ta đã có thể biết được những KNM được NTD quan tâm nhất trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay là: kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thích nghi. Những KNM vẫn còn là hạn chế của đa số SV tốt nghiệp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh sau khi ra trường là: kỹ năng tư duy, kỹ năng khai thác và xử lí thông tin, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng lập kế hoạch. Qua các ý kiến đóng góp của NTD và SV tốt nghiệp, Nhà trường và SV nên tiếp thu ý kiến và chú trọng đào tạo, hình thành và rèn luyện những KNM phù hợp để vừa đáp ứng yêu cầu của NTD, vừa giúp bản thân phát triển tích cực hơn, thích nghi tốt hơn trước xu hướng phát triển của bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2.3. Đề xuất một số giải pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng

Để rèn luyện KNM cho SV, giúp SV phát triển toàn diện và đáp ứng được yêu cầu của NTD sau khi ra trường, trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi đưa ra một vài đề xuất và kiến nghị như sau:

- *Đối với Nhà trường:* Để giúp SV phát triển KNM, Nhà trường có thể thực hiện một số giải pháp sau đây: + Sử dụng kết quả khảo sát NTD và kết quả khảo sát SV tốt nghiệp về KNM, nhằm nắm bắt ý kiến, nhu cầu của NTD và SV tốt nghiệp; + Cần tăng cường đào tạo các KNM theo đề xuất của NTD và SV tốt nghiệp; + Phân công cố vấn học tập, giảng viên chủ nhiệm đảm nhận công tác tư vấn định hướng, bồi dưỡng các KNM phù hợp với đặc trưng, tính chất của ngành nghề và các KNM SV đang còn bị hạn chế; + Xây dựng bảng test KNM để giúp SV phát triển toàn diện, đảm bảo mục tiêu đào tạo của Nhà trường; + Cần khuyến khích, tạo điều kiện giúp SV phát triển KNM như: truyền thông về KNM; các buổi sinh hoạt/các hoạt động đoàn thể của Đoàn Thanh niên, Hội SV,...; + Thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, các buổi giao lưu gặp gỡ giữa SV và NTD.

- *Đối với giảng viên, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập:* + Giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần phổ biến cho SV các thông tin: yêu cầu của NTD, tính chất của công việc trong tương lai; thường xuyên nhắc nhở, động viên SV tham gia các hoạt động đoàn thể; đa dạng hóa các buổi sinh hoạt lớp,... nhằm tạo điều kiện cho SV phát triển các KNM; + Giảng viên nên lồng ghép các KNM vào quá trình giảng dạy, ví dụ: lồng ghép kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,...

- *Đối với SV:* Hoạt động của cá nhân đóng vai trò chủ đạo và quyết định đến sự phát triển của SV. Do đó, SV nên: + Chủ động cập nhật thông tin về yêu cầu của NTD thông qua kết quả khảo sát NTD được Trường công bố; thông tin từ báo chí, tọa đàm NTD,...; + Tích cực rèn luyện, hoàn thiện KNM cho bản thân bằng cách: tích cực tham gia vào các hoạt động của lớp, của trường và các hoạt động xã hội hoặc tham gia các lớp học kỹ năng; + Lập một bảng kế hoạch cá nhân, đề ra mục tiêu ngắn hạn, dài hạn, từ đó có kế hoạch đề bổ sung, hoàn thiện KNM cho bản thân; + Tìm việc làm thêm phù hợp với ngành nghề là một cách để rèn luyện KNM, tích lũy kinh nghiệm làm việc (Nguyễn Thị Kiều Nga, 2019).

- *Đối với NTD:* Để có nguồn nhân lực theo đúng nhu cầu thì các doanh nghiệp, NTD cũng cần thể hiện trách nhiệm trong việc phối hợp đào tạo nguồn nhân lực bằng cách: + Tham gia trả lời phiếu KS, tham dự tọa đàm NTD

do cơ sở giáo dục tổ chức để thực hiện phản hồi kiến thức, kỹ năng của SV tốt nghiệp và góp ý về chương trình đào tạo của nhà trường; + Tăng cường hợp tác với cơ sở giáo dục trong việc: tuyển dụng, nhận SV thực tập...

3. Kết luận

Tăng cường đào tạo, rèn luyện KNM cho SV là nhiệm vụ quan trọng trong định hướng đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, bởi trong bối cảnh hội nhập quốc tế nếu SV tốt nghiệp được trang bị tốt về KNM sẽ giúp SV tốt nghiệp tăng khả năng tìm kiếm việc làm và thuận lợi trong quá trình làm việc. Để giúp SV tốt nghiệp phát triển tốt các KNM không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực từ phía nhà trường mà cần có thêm sự đồng hành, phối hợp cùng thực hiện của SV, SV tốt nghiệp và NTD. NTD cần cung cấp các thông tin về yêu cầu tuyển dụng, các cơ sở giáo dục đại học cần phải sớm nắm bắt xu hướng nhu cầu để đào tạo ra những sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường lao động. Đối với SV, SV tốt nghiệp thì cần tích cực, chủ động hơn trong việc trau dồi kiến thức, rèn luyện KNM của bản thân.

Tài liệu tham khảo

- Bronson, E. (2007). Career and technical education is ideally suited to teaching students the soft skills needed to succeed in the 21st century workplace. *Techniques: Connecting Education & Careers*, 82(7), 30-31.
- Forland, Jeremy (2006). *Managing Teams and Technology*. UC Davis, Graduate School of Management.
- Klaus, P. (2010). Communication breakdown. *California Job Journal*, 28, 1-9.
- Marcel M. Robles. (2012). Executive Perceptions of the Top 10 Soft Skills Needed in Today's Workplace. *Business Communication Quarterly*, 75(4), 453-465.
- Nguyễn Thị Kiều Nga (2019). Thực trạng và giải pháp rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Văn tài Trung ương V. *Tạp chí Giáo dục*, 456, 15-20.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa (2010). *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Tùng Lâm (2014). Tác động của hội nhập quốc tế đối với công tác đào tạo và quản lý đào tạo người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. *Tạp chí Giáo dục*, 327(1), 7-9.
- Phạm Thị Hồng Hoa (2014). Tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong giáo dục đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 333, 24-26.
- Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt về “Khung trình độ quốc gia Việt Nam”*.
- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2021). *Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên (từ năm 2015 đến năm 2020) và báo cáo nhà tuyển dụng (từ năm 2015 đến năm 2021)*.